




# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng		In (A)		Mô tả		Đơn giá (VNĐ)												
Starvert iE5 1 Pha 200~300VAC		HD	ND	Điều khiển V/F, tích hợp bàn phím, biến trở điều chỉnh tốc độ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, cửa thang máy...)														
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>SV</b></p> <p>LS drive brand</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>004</b></p> <p>Motor rating 001: 0.1kW ~ 004: 0.4kW</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>iE5</b></p> <p>Series name iE5</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>-</b></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>1</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Input rating</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Single-phase, 200~230V</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Three-phase, 200~230V</td> </tr> </tbody> </table> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>C</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Communication</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>None</td> <td>Not available</td> </tr> <tr> <td>C</td> <td>RS485 (LS Bus / Modbus RTU)</td> </tr> </tbody> </table> </div> </div>							Symbol	Input rating	1	Single-phase, 200~230V	2	Three-phase, 200~230V	Symbol	Communication	None	Not available	C	RS485 (LS Bus / Modbus RTU)
Symbol	Input rating																	
1	Single-phase, 200~230V																	
2	Three-phase, 200~230V																	
Symbol	Communication																	
None	Not available																	
C	RS485 (LS Bus / Modbus RTU)																	
	SV001IE5-1	0.1KW	0.8A	-	0.1kW(1/8HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,610,000												
	SV002IE5-1	0.2KW	1.4A	-	0.2kW(1/4HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,700,000												
	SV004IE5-1	0.4KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,760,000												
	SV001IE5-1C	0.1KW	0.8A	-	0.1kW(1/8HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,760,000												
	SV002IE5-1C	0.2KW	1.4A	-	0.2kW(1/4HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,820,000												
	SV004IE5-1C	0.4KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,910,000												
Starvert iE5 3 Pha 200~300VAC		HD	ND	Điều khiển V/F, tích hợp bàn phím, biến trở điều chỉnh tốc độ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, cửa thang máy...)														
	SV001IE5-2	0.1KW	0.8A	-	0.1kW(1/8HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,700,000												
	SV002IE5-2	0.2KW	1.6A	-	0.2kW(1/4HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,760,000												
	SV004IE5-2	0.4KW	1.14A	-	0.4kW(1/2HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz	1,850,000												
	SV001IE5-2C	0.1KW	0.8A	-	0.1kW(1/8HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,820,000												
	SV002IE5-2C	0.2KW	1.6A	-	0.2kW(1/4HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,880,000												
	SV004IE5-2C	0.4KW	1.14A	-	0.4kW(1/2HP), 3 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~200Hz, tích hợp RS485(Modbus RTU)	1,970,000												
Starvert iC5 1 Pha 200~230VAC		HD	ND	Điều khiển V/f, sensorless vector control, tích hợp bàn phím/biến trở điều chỉnh tốc độ Các ứng dụng cơ bản, các máy công suất nhỏ.														
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>SV</b></p> <p>LS drive brand</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>004</b></p> <p>Motor rating 004: 0.4kW ~ 022: 2.2kW</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>iC5</b></p> <p>Series name iC5</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>-</b></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>1</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Input rating</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Single-phase, 200~230V</td> </tr> </tbody> </table> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>F</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Filter</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>None</td> <td>Not available</td> </tr> <tr> <td>F</td> <td>EMC filter</td> </tr> </tbody> </table> </div> </div>							Symbol	Input rating	1	Single-phase, 200~230V	Symbol	Filter	None	Not available	F	EMC filter		
Symbol	Input rating																	
1	Single-phase, 200~230V																	
Symbol	Filter																	
None	Not available																	
F	EMC filter																	
	SV004iC5-1	0.4KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz	2,330,000												
	SV008iC5-1	0.75KW	5A	-	0.75kW(1HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz	2,480,000												
	SV015iC5-1	1.5KW	8A	-	1.5kW(2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz	2,920,000												
	SV022iC5-1	2.2KW	12A	-	2.2kW(3HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz	3,190,000												
	SV004iC5-1F	0.4KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bộ lọc EMC	2,450,000												
	SV008iC5-1F	0.75KW	5A	-	0.75kW(1HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bộ lọc EMC	2,570,000												
	SV015iC5-1F	1.5KW	8A	-	1.5kW(2HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bộ lọc EMC	3,100,000												
	SV022iC5-1F	2.2KW	12A	-	2.2kW(3HP), 1 pha, 200~230VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bộ lọc EMC	3,400,000												
Starvert iG5A (Standard type) 1 pha 200~230VAC		HD	ND	V/f, sensorless vector control, built-in brake unit, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy đóng gói...)														

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)




Tên hàng		In (A)	Mô tả		Đơn giá (VNĐ)																
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>SV</b></p> <p>LS drive brand</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>015</b></p> <p>Motor rating 004: 0.4kW ~ 220: 22kW</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>iG5A</b></p> <p>Series name iG5A</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>2</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Input rating</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Single-phase, 200 ~ 230V</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Three-phase, 200 ~ 230V</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Three-phase, 380 ~ 480V</td> </tr> </tbody> </table> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>FB</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Symbol</th> <th>Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>FB</td> <td>Field bus communication</td> </tr> <tr> <td>EN</td> <td>EMC Filter</td> </tr> <tr> <td>ENC</td> <td>EMC Filter + Field bus communication</td> </tr> </tbody> </table> </div> </div>						Symbol	Input rating	1	Single-phase, 200 ~ 230V	2	Three-phase, 200 ~ 230V	4	Three-phase, 380 ~ 480V	Symbol	Type	FB	Field bus communication	EN	EMC Filter	ENC	EMC Filter + Field bus communication
Symbol	Input rating																				
1	Single-phase, 200 ~ 230V																				
2	Three-phase, 200 ~ 230V																				
4	Three-phase, 380 ~ 480V																				
Symbol	Type																				
FB	Field bus communication																				
EN	EMC Filter																				
ENC	EMC Filter + Field bus communication																				
<b>General specification</b>																					
SV004IG5A-1		0.4KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,280,000															
SV008IG5A-1		0.75KW	5A	-	0.75kW(1HP), 1 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,520,000															
SV015IG5A-1		1.5KW	8A	-	1.5kW(2HP), 1 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,970,000															
<b>Starvert iG5A (Standard type) 3 pha 200~230VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>V/f, sensorless vector control, built-in brake unit, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)</b>																
SV004IG5A-2		0.4 KW	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	2,980,000															
SV008IG5A-2		0.75 KW	5A	-	0.75kW(1HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,220,000															
SV015IG5A-2		1.5 KW	8A	-	1.5kW(2HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,730,000															
SV022IG5A-2		2.2KW	12A	-	2.2kW(3HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	4,300,000															
SV037IG5A-2		3.7KW	16A	-	3.7kW(5HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	4,860,000															
SV040IG5A-2		4KW	17A	-	4.0kW(5.4HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	4,860,000															
SV055IG5A-2		5.5KW	24A	-	5.5kW(7.5HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	7,280,000															
SV075IG5A-2		7.5KW	32A	-	7.5kW(10HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	8,150,000															
SV110IG5A-2		11KW	46A	-	11kW(15HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	14,950,000															
SV150IG5A-2		15KW	60A	-	15kW(20HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	17,250,000															
SV185IG5A-2		18.5KW	74A	-	18.5kW(25HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	19,870,000															
SV220IG5A-2		22KW	88A	-	22kW(30HP), 3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	23,580,000															
<b>Starvert iG5A (Standard type) 3 pha 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>V/f, sensorless vector control, built-in brake unit, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)</b>																
SV004IG5A-4		0.4 KW	1.25A	-	0.4kW(1/2HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,200,000															
SV008IG5A-4		0.75 KW	2.5A	-	0.75kW(1HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,380,000															
SV015IG5A-4		1.5 KW	4A	-	1.5kW(2HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3,710,000															
SV022IG5A-4		2.2KW	6A	-	2.2kW(3HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	4,220,000															
SV037IG5A-4		3.7KW	8A	-	3.7kW(5HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	5,020,000															
SV040IG5A-4		4.0KW	9A	-	4.0kW(5.4HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	5,020,000															
SV055IG5A-4		5.5KW	12A	-	5.5kW(7.5HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	7,060,000															
SV075IG5A-4		7.5KW	16A	-	7.5kW(10HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	7,710,000															
SV110IG5A-4		11KW	24A	-	11kW(15HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	13,400,000															
SV150IG5A-4		15KW	30A	-	15kW(20HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	14,580,000															
SV185IG5A-4		18.5KW	39A	-	18.5kW(25HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	17,310,000															
SV220IG5A-4		22KW	45A	-	22kW(30HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	18,800,000															
<b>LSLV S100 (Protection degree IP20) 1 pha 200~230VAC (Dòng mới, thay thế cho IG5A)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)</b>																



# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng		In (A)	Mô tả			Đơn giá (VNĐ)	
<b>Model Number</b>							
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>LSLV</b></p> <p>LS Low Voltage Drive Series</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>0008</b></p> <p>Motor rating(kW) 0004: 0.4kW ~ 0750: 75kW</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>S100</b></p> <p>Series name S100</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>-</b></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>2</b></p> <p>Input Voltage 1 : 1-phase 200 ~ 240[V] 2 : 3-phase 200 ~ 240[V] 4 : 3-phase 380 ~ 480[V]</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>E</b></p> <p>Keypad E : LED Keypad S : LCD Keypad</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>O</b></p> <p>UL Type O : UL Open X : IP66</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>F</b></p> <p>EMC Filter F : Built-in EMC N : Non-EMC</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>D</b></p> <p>Reactor D : Built-in DCL N : Non-Reactor</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>S</b></p> <p>I/O M : Multiple (3.5mm) S : Standard (5mm)</p> </div> </div>							
<b>General specification</b>							
LSLV0004S100-1EONNS		0.4/0.75kw	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 1 pha, 200~230VAC	4,270,000	
LSLV0008S100-1EONNS		0.75/1.5kw	5A	-	0.75kW(1HP), 1 pha, 200~230VAC	4,580,000	
LSLV0015S100-1EONNS		1.5/2.2kw	8A	-	1.5kW(2HP), 1 pha, 200~230VAC	5,160,000	
LSLV0022S100-1EONNS		2.2/3.7kw	11A	-	2.2kW(3HP), 1 pha, 200~230VAC	5,520,000	
<b>LSLV S100 (Protection degree IP20) 3 Phase 200~230VAC (Đồng mới, thay thế cho IG5A)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>		
	LSLV0004S100-2EONNS		0.4/0.75kw	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 3 Phase 200~230VAC	3,580,000
	LSLV0008S100-2EONNS		0.75/1.5kw	5A	-	0.75kW(1HP), 3 Phase 200~230VAC	3,870,000
	LSLV0015S100-2EONNS		1.5/2.2kw	8A	-	1.5kW(2HP), 3 Phase 200~230VAC	4,480,000
	LSLV0022S100-2EONNS		2.2/3.7kw	11A	-	2.2kW(3HP), 3 Phase 200~230VAC	5,160,000
	LSLV0037S100-2EONNS		3.7/4kw	16A	-	3.7kW(5HP), 3 Phase 200~230VAC	5,840,000
	LSLV0040S100-2EONNS		4/5.5kw	17A	-	4.0kW(5.4HP), 3 Phase 200~230VAC	5,840,000
	LSLV0055S100-2EONNS		5.5/7.5kw	24A	-	5.5kW(7.5HP), 3 Phase 200~230VAC	8,370,000
	LSLV0075S100-2EONNS		7.5/11kw	32A	-	7.5kW(10HP), 3 Phase 200~230VAC	9,370,000
	LSLV0110S100-2EONNS		11/15kw	46A	-	11kW(15HP), 3 Phase 200~230VAC	14,970,000
	LSLV0150S100-2EONNS		15/18.5kw	60A	-	15kW(20HP), 3 Phase 200~230VAC	17,350,000
<b>LSLV S100 (Protection degree IP20) 3 Phase 380~480VAC (Đồng mới, thay thế cho IG5A)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>		
LSLV0004S100-4EONNS		0.4/0.75kw	1.25A	-	0.4kW(1/2HP), 3 Phase, 380~480VAC	3,840,000	
LSLV0008S100-4EONNS		0.75/1.5kw	2.5A	-	0.75kW(1HP), 3 Phase, 380~480VAC	4,060,000	
LSLV0015S100-4EONNS		1.5/2.2kw	4A	-	1.5kW(2HP), 3 Phase, 380~480VAC	4,450,000	
LSLV0022S100-4EONNS		2.2/3.7kw	5.5A	-	2.2kW(3HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,060,000	
LSLV0037S100-4EONNS		3.7/4kw	8A	-	3.7kW(5HP), 3 Phase, 380~480VAC	6,030,000	
LSLV0040S100-4EONNS		4/5.5kw	9A	-	4.0kW(5.4HP), 3 Phase, 380~480VAC	6,030,000	
LSLV0055S100-4EONNS		5.5/7.5kw	12A	-	5.5kW(7.5HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,120,000	
LSLV0075S100-4EONNS		7.5/11kw	16A	-	7.5kW(10HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,860,000	
LSLV0110S100-4EONNS		11/15kw	24A	-	11kW(15HP), 3 Phase, 380~480VAC	14,240,000	
LSLV0150S100-4EONNS		15/18.5kw	30A	-	15kW(20HP), 3 Phase, 380~480VAC	15,770,000	
LSLV0185S100-4EONNS		18.5/22kw	39A	-	18.5kW(25HP), 3 Phase, 380~480VAC	18,470,000	
LSLV0220S100-4EONNS		22/30kw	45A	-	22kW(30HP), 3 Phase, 380~480VAC	20,930,000	
LSLV0300S100-4CONDS		30/37kw	61A	-	30kW(40HP), 3 Phase, 380~480VAC	32,830,000	

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng			In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	LSLV0370S100-4CONDS	37/45kw	75A	-	37kW(50HP), 3 Phase, 380~480VAC	36,960,000
	LSLV0450S100-4CONDS	45/55kw	91A	-	45kW(60HP), 3 Phase, 380~480VAC	42,150,000
	LSLV0550S100-4CONDS	55/75kw	110A	-	55kW(75HP), 3 Phase, 380~480VAC	48,260,000
	LSLV0750S100-4CONDS	75/90kw	152A	-	75kW(100HP), 3 Phase, 380~480VAC	52,790,000
<b>LSLV S100 (Protection degree IP66(NEMA4X) 3 Phase 200~230VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>	
	LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	2.5A	-	0.4kW(1/2HP), 3 Phase 200~230VAC	7,160,000
	LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	5A	-	0.75kW(1HP), 3 Phase 200~230VAC	7,740,000
	LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	8A	-	1.5kW(2HP), 3 Phase 200~230VAC	8,950,000
	LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	11A	-	2.2kW(3HP), 3 Phase 200~230VAC	10,310,000
	LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	16A	-	3.7kW(5HP), 3 Phase 200~230VAC	10,510,000
	LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	17A	-	4.0kW(5.4HP), 3 Phase 200~230VAC	10,510,000
	LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	24A	-	5.5kW(7.5HP), 3 Phase 200~230VAC	13,400,000
	LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	32A	-	7.5kW(10HP), 3 Phase 200~230VAC	14,990,000
	LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	46A	-	11kW(15HP), 3 Phase 200~230VAC	22,450,000
	LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	60A	-	15kW(20HP), 3 Phase 200~230VAC	26,030,000
<b>LSLV S100 (Protection degree IP66(NEMA4X) 3 Phase 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>	
	LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1.25A	-	0.4kW(1/2HP), 3 Phase, 380~480VAC	7,670,000
	LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	2.5A	-	0.75kW(1HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,120,000
	LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	4A	-	1.5kW(2HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,900,000
	LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	5.5A	-	2.2kW(3HP), 3 Phase, 380~480VAC	10,120,000
	LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	8A	-	3.7kW(5HP), 3 Phase, 380~480VAC	10,850,000
	LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	9A	-	4.0kW(5.4HP), 3 Phase, 380~480VAC	10,850,000
	LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	12A	-	5.5kW(7.5HP), 3 Phase, 380~480VAC	12,180,000
	LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	16A	-	7.5kW(10HP), 3 Phase, 380~480VAC	13,300,000
	LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	24A	-	11kW(15HP), 3 Phase, 380~480VAC	19,100,000
	LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	30A	-	15kW(20HP), 3 Phase, 380~480VAC	20,780,000
	LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	39A	-	18.5kW(25HP), 3 Phase, 380~480VAC	23,360,000
	LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	45A	-	22kW(30HP), 3 Phase, 380~480VAC	25,370,000
<b>LSLV S100 options</b>						
	INV,CANOpen(LSLV-S100),CCAN-S100					2,020,000
	INV,Profibus-DP(LSLV-S100),CPDP-S100					3,140,000
	INV,Ethernet(LSLV-S100),CENT-S100					1,800,000
<b>Starvert iP5A (based on new flatform) 3 pha 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>V/f, sensorless vector control, VT drive, RS485(LS Bus)/ Ứng dụng chuyên cho Bơm, Quạt..., N: Chưa có màn hình, L: Tích hợp DC Reactor.</b>	

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)




Tên hàng		In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)																														
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">SV</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">0055</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">IP5A</div> <div style="font-size: 24px; margin: 0 10px;">-</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">2</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">N</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">O</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">L</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">(CLASS)</div> </div>																																		
LS drive brand	Motor rating 0008 : 0.75kW ~ 4500 : 450kW	Series name IP5A	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th>Symbol</th> <th>Input rating</th> <th>Symbol</th> <th>Loader</th> <th>Symbol</th> <th>UL Certification</th> <th>Symbol</th> <th>DCR</th> <th>Symbol</th> <th>Certificate</th> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Three-phase, 200 ~ 230V</td> <td>None</td> <td>Loader</td> <td>O</td> <td>Open type</td> <td>None</td> <td>Not available</td> <td>(CLASS)</td> <td>DNV</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Three-phase, 380 ~ 480V</td> <td>N</td> <td>Non Loader</td> <td>E</td> <td>Enclosed Type 1</td> <td>L</td> <td>DC Reactor</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Symbol	Input rating	Symbol	Loader	Symbol	UL Certification	Symbol	DCR	Symbol	Certificate	2	Three-phase, 200 ~ 230V	None	Loader	O	Open type	None	Not available	(CLASS)	DNV	4	Three-phase, 380 ~ 480V	N	Non Loader	E	Enclosed Type 1	L	DC Reactor			
Symbol	Input rating	Symbol	Loader	Symbol	UL Certification	Symbol	DCR	Symbol	Certificate																									
2	Three-phase, 200 ~ 230V	None	Loader	O	Open type	None	Not available	(CLASS)	DNV																									
4	Three-phase, 380 ~ 480V	N	Non Loader	E	Enclosed Type 1	L	DC Reactor																											
	SV055IP5A-4NE	5.5KW	12A	5.5kW(7.5HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	7,820,000																													
	SV075IP5A-4NE	7.5KW	16A	7.5kW(10HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	8,960,000																													
	SV110IP5A-4NE	11KW	24A	11kW(15HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	9,720,000																													
	SV150IP5A-4NO	15KW	30A	15kW(20HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	15,030,000																													
	SV185IP5A-4NO	18.5KW	39A	18.5kW(25HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	16,640,000																													
	SV220IP5A-4NO	22KW	45A	22kW(30HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	20,580,000																													
	SV300IP5A-4NO	30KW	61A	30kW(40HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz	23,300,000																													
	SV370IP5A-4O	37KW	75A	37kW(50HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	34,870,000																													
	SV450IP5A-4O	45KW	91A	45kW(60HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	37,850,000																													
	SV550IP5A-4O	55KW	110A	55kW(75HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	44,760,000																													
	SV750IP5A-4O	75KW	152A	75kW(100HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	49,580,000																													
	SV900IP5A-4O	90KW	183A	90kW(125HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	58,800,000																													
	SV220IP5A-4NOL	22KW	45A	22kW(30HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp cuộn kháng DC	22,510,000																													
	SV300IP5A-4NOL	30KW	61A	30kW(40HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp cuộn kháng DC	25,320,000																													
	SV370IP5A-4OL	37KW	75A	37kW(50HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	38,730,000																													
	SV450IP5A-4OL	45KW	91A	45kW(60HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	43,090,000																													
	SV550IP5A-4OL	55KW	110A	55kW(75HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	50,940,000																													
	SV750IP5A-4OL	75KW	152A	75kW(100HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	56,930,000																													
	SV900IP5A-4OL	90KW	183A	90kW(125HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	64,550,000																													
	SV1100IP5A-4OL	110KW	223A	110kW(150HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	90,380,000																													
SV1320IP5A-4OL	132KW	264A	132kW(175HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	95,940,000																														
SV1600IP5A-4OL	160KW	325A	160kW(215HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	106,340,000																														
SV2200IP5A-4OL	220KW	432A	220kW(300HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	150,030,000																														
SV2800IP5A-4OL	280KW	547A	280kW(350HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím, tích hợp cuộn kháng DC	183,880,000																														
SV3150IP5A-4O	315KW	613A	315kW(400HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	354,430,000																														
SV3750IP5A-4O	375KW	731A	375kW(500HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	430,380,000																														
SV4500IP5A-4O	450KW	877A	450kW(600HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~120Hz, tích hợp bàn phím	458,360,000																														
<b>LSLV H100 (Protection degree IP20), 3 Phase 220~230VAC (Đồng mới, thay thế cho IP5A (từ 0.75-90kW))</b>		<b>HD</b>	<b>ND</b>	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), Dedicated LCD keypad (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt....																														

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



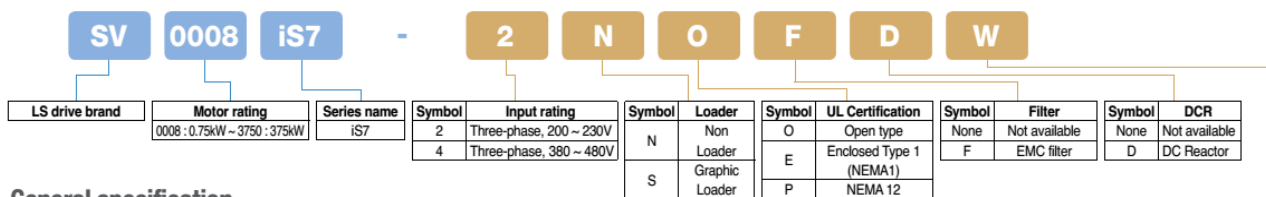
Tên hàng			In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)	
<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;"> <p><b>LSLV</b></p> <p>LS Low Voltage Drive Series</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>0055</b></p> <p>Motor rating(kW) 0008: 0.75kW ~ 0900: 90kW</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>H100</b></p> <p>Series name H100</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>-</b></p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>4</b></p> <p>Input Voltage 2 : 3-phase 200~240[V] 4 : 3-phase 380~480[V]</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>C</b></p> <p>Keypad Type C : LCD Keypad</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>O</b></p> <p>UL Type O : UL Open E : UL Type1</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>F</b></p> <p>EMC Filter F : Built-in EMC N : Non EMC</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p><b>N</b></p> <p>Reactor D : Built-in DC Reactor N : Non DC Reactor</p> </div> </div>						
		LSLV0008H100-2CONN	0.75kW	6A	0.75kW(1HP), 3 Phase, 380~480VAC	4,930,000
		LSLV0015H100-2CONN	1.5kW	9.6A	1.5kW(2HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,250,000
		LSLV0022H100-2CONN	2.2kW	12A	2.2kW(3HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,920,000
		LSLV0037H100-2CONN	3.7kW	18A	3.7kW(5HP), 3 Phase, 380~480VAC	6,660,000
		LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	22A	5.5kW(7.5HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,030,000
		LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	30A	7.5kW(10HP), 3 Phase, 380~480VAC	9,160,000
		LSLV0110H100-2CONN	11KW	42A	11kW(15HP), 3 Phase, 380~480VAC	10,410,000
		LSLV0150H100-2CONN	15KW	59A	15kW(20HP), 3 Phase, 380~480VAC	14,010,000
		LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	69A	18.5kW(25HP), 3 Phase, 380~480VAC	18,210,000
<b>LSLV H100 (Protection degree IP20), 3 Phase 380~480VAC (Dòng mới, thay thế cho IP5A)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), Dedicated LCD keypad (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt....	
		LSLV0008H100-4COFN	0.75kW	2.4A	0.75kW(1HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,210,000
		LSLV0015H100-4COFN	1.5kW	4A	1.5kW(2HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,460,000
		LSLV0022H100-4COFN	2.2kW	6A	2.2kW(3HP), 3 Phase, 380~480VAC	5,880,000
		LSLV0037H100-4COFN	3.7kW	8A	3.7kW(5HP), 3 Phase, 380~480VAC	6,560,000
		LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	12A	5.5kW(7.5HP), 3 Phase, 380~480VAC	7,420,000
		LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	16A	7.5kW(10HP), 3 Phase, 380~480VAC	8,620,000
		LSLV0110H100-4COFN	11KW	24A	11kW(15HP), 3 Phase, 380~480VAC	9,690,000
		LSLV0150H100-4COFN	15KW	30A	15kW(20HP), 3 Phase, 380~480VAC	13,320,000
		LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	38A	18.5kW(25HP), 3 Phase, 380~480VAC	15,890,000
		LSLV0220H100-4COFN	22KW	45A	22kW(30HP), 3 Phase, 380~480VAC	20,510,000
		LSLV0300H100-4COFN	30KW	61A	30kW(40HP), 3 Phase, 380~480VAC	24,230,000
		LSLV0370H100-4COND	37KW	75A	37kW(50HP), 3 Phase, 380~480VAC	31,000,000
		LSLV0450H100-4COND	45KW	91A	45kW(60HP), 3 Phase, 380~480VAC	37,290,000
		LSLV0550H100-4COND	55KW	107A	55kW(75HP), 3 Phase, 380~480VAC	43,550,000
		LSLV0750H100-4COND	75KW	142A	75kW(100HP), 3 Phase, 380~480VAC	48,730,000
LSLV0900H100-4COND	90KW	169A	90kW(125HP), 3 Phase, 380~480VAC	59,160,000		
<b>Starvert iS7, 3 pha 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	Built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén...., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
----------	--------	-------	---------------



General specification

Symbol	Application
None	Normal application
W	Web application




SV0008IS7-4NO	0.75/1.5kw	2.5A	4A	0.75kW(1HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	6,960,000
SV0015IS7-4NO	1.5/2.2kw	4A	6A	1.5kW(2HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	7,280,000
SV0022IS7-4NO	2.2/3.7kw	6A	8A	2.2kW(3HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	7,630,000
SV0037IS7-4NO	3.7/4kw	8A	12A	3.7kW(5HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	7,820,000
SV0055IS7-4NO	5.5/7.5kw	12A	16A	5.5kW(7.5HP), 3 pha,380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	8,940,000
SV0075IS7-4NO	7.5/11kw	16A	24A	7.5kW(10HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	9,700,000
SV0110IS7-4NO	11/15kw	24A	30A	11kW(15HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	14,990,000
SV0150IS7-4NO	15/18.5kw	30A	39A	15kW(20HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	16,600,000
SV0185IS7-4NO	18.5/22kw	39A	45A	18.5kW(25HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	20,520,000
SV0220IS7-4NO	22/30kw	45A	61A	22kW(30HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%),50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	23,260,000
SV0300IS7-4NO	30/37kw	62A	75A	30kW(40HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz	34,750,000
SV0370IS7-4NO	37/45kw	75A	91A	37kW(50HP), 3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz	37,740,000
SV0450IS7-4NO	45/55kw	92A	110A	45kW(60HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz	44,640,000
SV0550IS7-4NO	55/75kw	111A	152A	55kW(75HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz	49,450,000
SV0750IS7-4NO	75/90kw	152A	183A	75kW(100HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz	58,660,000
SV0110IS7-4NOFD	11/15kw	24A	30A	11kW(15HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC,	18,830,000
SV0150IS7-4NOFD	15/18.5kw	30A	39A	15kW(20HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC,	21,490,000
SV0220IS7-4NOFD	22/30kw	45A	61A	22kW(30HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC,	30,030,000
SV0300IS7-4NOD	30/37kw	65A	75A	30kW(40HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	38,620,000
SV0450IS7-4NOD	45/55kw	91A	110A	45kW(60HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	50,790,000
SV0550IS7-4NOD	55/75kw	110A	152A	55kW(75HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	56,780,000
SV0750IS7-4NOD	75/90kw	152A	183A	75kW(100HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	64,380,000
SV0900IS7-4SOD	90/110kw	183A	223A	90kW(125HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	98,490,000
SV1100IS7-4SOD	110/132kw	223A	264A	110kW(150HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	104,530,000
SV1320IS7-4SOD	132/160kw	264A	325A	132kW(175HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	115,840,000
SV1600IS7-4SOD	160/185kw	325A	370A	160kW(215HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	149,250,000
SV1850IS7-4SOD	185/220kw	370A	432A	185kW(250HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	202,280,000
SV2200IS7-4SOD	220/280kw	432A	547A	220kW(300HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	212,930,000
SV2800IS7-4SO	285/315kw	547A	613A	280kW(350HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	368,550,000

# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng			In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	SV3150IS7-4SO	315/375kw	613A	731A	315kW(400HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	451,900,000
	SV3750IS7-4SO	375/450kw	731A	877A	375kW(500HP), 3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	485,860,000
<b>Starvert option : iP5A, iG5A, iS7</b>						
	SV-IP5A LCD Key pad				LCD display keypad for iP5A	570,000
	SV-IS7 LCD Key pad				Graphic LCD display keypad for iS7 (128x64 COG, 11 Rubber Key, 3 LED, IP21)	990,000
	Remote 2m (with LCD for SV-IG5A )				2 meter connection cable between inverter and keypad plus a external keypad (Available for panel installation)	540,000
	Remote 3m (with LCD for SV-IG5A )				3 meter connection cable between inverter and keypad plus a external keypad (Available for panel installation)	600,000
	Remote 5m (with LCD for SV-IG5A )				5 meter connection cable between inverter and keypad plus a external keypad (Available for panel installation)	680,000
	Remote cable 2m (for IS7 )				2 meter connection cable between inverter and keypad, plus Frame for keypad installation on panel door	260,000
	Remote cable 3m (for IS7 )				3 meter connection cable between inverter and keypad, plus + Frame for keypad installation on panel door	280,000
	Remote cable 2m (for IP5A )				2 meter connection cable between inverter and keypad, plus + Frame for keypad installation on panel door	260,000
	Remote cable 3m (for IP5A )				3 meter connection cable between inverter and keypad, plus + Frame for keypad installation on panel door	280,000
<b>Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.</b>						
	SV037DBH-2					4,450,000
	SV150DBU-4					4,070,000
	SV220DBU-4					3,930,000
	SV037DBH-4					4,450,000
	SV075DBH-4					5,760,000
	SV150DBU-2U					4,070,000
	SV220DBU-2U					7,330,000
	SV370DBU-2U					8,120,000
	SV550DBU-2U					8,900,000
	SV150DBU-4U					6,550,000
	SV220DBU-4U					7,330,000
	SV370DBU-4U					8,120,000
	SV550DBU-4U					8,900,000
	SV750DBU-4U					9,690,000
	SV750DB-4					13,970,000
	SV2200DB-4					20,370,000
<b>External brake resistors (Điện trở xả)</b>						
	MCRA120W100 OHM					250,000
	MCRA120W50 OHM					250,000
	MCRA120W40 OHM					250,000
	MCRA200W100 OHM					280,000
	MCRA200W160 OHM					380,000



# BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Tên hàng	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
		MCRA200W200 OHM	380,000
		MCRB300W100 OHM	580,000
		MCRB400W200 OHM	840,000
		MCRB400W160 OHM	840,000
		MCRB400W100 OHM	840,000
		MCRB400W50 OHM	840,000
		MCRB400W40 OHM	840,000
		MCRB 600W 130& J,Y.H	1,750,000
		MCRB 600W 33& J,Y.H	1,750,000
		MCRM 800W 20& J,Y.H	1,930,000
		MCRM 1000W 85& J,Y.H	2,180,000
		MCRM 1200W 60& J,Y.H	2,330,000
		MCRM 1200W 15& J,Y.H	2,330,000
		MCRM 2000W 40& J,Y.H	2,940,000
		MCRM 2400W 30& J,Y.H	3,090,000
		MCRM 2400W 10& J,Y.H	3,090,000
		MCRM 2400W 8& J,Y.H	3,090,000
		MCRM 3600W 20& J,Y.H	5,580,000
		MCRM 3600W 5& J,Y.H	5,580,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

\*\*HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

\*\*ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min